

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/DS-ST

Ngày 18/11/2019

“ *V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trọng Phụng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Mẫn; 2. Ông Hoàng Duy Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2019/TLST – DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST- DS, ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị N (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Võ Nh (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 23/12/2014 (âm lịch) ông Võ Nh có mượn của bà Trần Thị N số tiền 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng chẵn) hẹn đến ngày 23/12/2015 thì trả hết số tiền trên, tiếp đến ngày 13/12/2015 ông Võ

Nh mượn của bà N số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng chẵn) hẹn đến ngày 13/10/2016 thì trả hết số tiền trên, cả hai lần vay đều không thỏa thuận lãi suất. Khi vay bà N không nhận cầm cố, thế chấp tài sản gì của ông Nh mà hai bên chỉ viết giấy mượn tiền. Bà N xác định toàn bộ chữ ký, chữ viết “Võ Nh” trong giấy mượn tiền bà N đã cung cấp cho tòa án là do ông Võ Nh trực tiếp viết, ký nhận. Từ thời điểm vay đến nay ông Võ Nh chưa trả cho bà N khoản tiền nào. Nay bà N đề nghị Tòa án buộc ông Võ Nh trả cho bà số tiền gốc là 104.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Võ Nh đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được và mở phiên họp vắng mặt ông Nh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự;

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Nh trả cho bà Trần Thị N số tiền là 104.000.000đ (một trăm lẻ bốn triệu đồng chẵn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã vay. Tuy nhiên, Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm*”, như vậy thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết đối với khoản vay ngày 23/12/2014 (al). Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, kiện đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Võ Nh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 23/12/2014 âm lịch, ông Võ Nh có mượn của bà Trần Thị N số tiền 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng chẵn) hẹn đến ngày 23/12/2015 thì trả hết số tiền. Tiếp đến ngày 13/12/2015, ông Võ Nh mượn của bà N số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng chẵn) hẹn đến ngày 13/10/2016. Đến

nay, mặc dù đã hơn ba năm kể từ ngày thực hiện nghĩa vụ nhưng bị đơn ông Võ Nh chưa trả khoản tiền nào cho bà Trần Thị N. Trong qua trình tố tụng tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Võ Nh vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo yêu cầu của đương sự Tòa án tiến hành giám định chữ ký, chữ viết của ông Võ Nh. Tại kết luận số 88/PC09 ngày 10/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Chữ ký và chữ viết mang tên Võ Nh tại các vị trí sau: tại dòng viết thứ 8, 9 tính từ trên xuống trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 và dòng viết thứ 4,5 tính từ trên xuống trong tài liệu cần giám định kí hiệu A2 so với chữ ký và chữ viết đứng tên Võ Nh trong các tài liệu so sánh từ M1 đến M6, là do cùng một người ký và viết ra”. Vì vậy, xét chữ ký và chữ viết của ông Võ Nh là hợp lệ, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, cần được chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là $104.000.000đ \times 5\% = 5.200.000đ$ (năm triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

Bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí giám định chữ ký chữ viết: Chi phí giám định là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) do nguyên đơn bà Trần Thị N tạm nộp, kết quả trưng cầu giám định phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Võ Nh phải chịu số tiền này. Ông Võ Nh có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 166; Điều 280; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N.

Buộc ông Võ Nh phải có nghĩa vụ trả cho Trần Thị Nhe số tiền 104.000.000đ (một trăm lẻ tư triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Ông Võ Nh phải chịu 5.200.000đ (năm triệu hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị N số tiền 2.600.000 đồng mà bà N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0013814 ngày 12/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

Về chi phí giám định: Ông Võ Nh phải chịu 3.600.000 đồng tiền chi phí giám định. Bà Trần Thị N được nhận lại số tiền 3.600.000 đồng chi phí giám định tài liệu khi thu được từ ông Võ Nh.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM’gar;
- Thi hành án dân sự CưM’gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Trọng Phụng